

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 11 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và bà Hoàng Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/8/2019 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn Q, sinh năm 1950**. Cư trú: số 60/78/8/8, đường A, phường B, Quận C, Thành phố D. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H, sinh năm 1959**; Nơi cư trú cuối cùng: Số 15, khóm 1, khu 2, ấp A1, xã B1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai của nguyên đơn ông Đặng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện và ngày 15/11/1984 được UBND xã Trảng Bom 2, huyện Thống Nhất (nay là xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2006 đến nay bà H bỏ địa phương đi biệt tích. Theo Quyết định số 08/2014/QĐST-VDS ngày 25/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã tuyên bố bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Nơi cư trú cuối cùng: Số 15, khóm 1, khu 2, ấp A1, xã B1, huyện T, tỉnh Đ, mất tích kể từ ngày

25/6/2014. Nay Ông Q xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Quang T1, sinh năm 1987 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông Q khai không có.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị H đã bỏ đi biệt tích khỏi địa phương từ năm 2006 đến nay không có tin tức nên không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Q. Tài sản chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Ông Q khai không có. Ông Q không phải nộp án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú từ năm 2006, Tòa án đã có quyết định tuyên bố bà H mất tích, cho đến nay bà H vẫn biệt tích. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị H kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 15/11/1984 được UBND xã Trảng Bom 2, huyện Thống Nhất (nay là xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Ông Q cho rằng: Vợ chồng chung sống đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên bà H bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú đến nay không có tin tức và ngày 25/6/2014, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tuyên bố bà H mất tích, đến nay Ông Q và chính quyền địa phương vẫn không có tin tức của bà H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Ông Q và bà H ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Ông Q xin được ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Đặng Quang T1, sinh năm 1987 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Ông Q khai không có.

[6] Về án phí: Ông Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do là người cao tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị H ly hôn.
- Về con chung: Cháu Đặng Quang T1, sinh năm 1987 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Ông Q khai không có.
- Về án phí: Ông Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.
- Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Trung Hòa (số 694 ngày 15/11/1984).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu